

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:366/2021/DS-ST

Ngày:28-12-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi, Hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Phó

Ông Lê Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:199/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi, Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp PL, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp PQ, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

1/ Tiền vay: Vào ngày 21/3/2015, bà có cho bà Nguyễn Thị Đ vay 3.000.000 đồng. Khi nhận tiền bà Đ có viết biên nhận. Việc vay tiền không có tính lãi và không thỏa thuận thời hạn trả. Đến cuối năm 2020, số tiền vay đã quá lâu nên bà yêu cầu bà Đ trả lại cho bà. Đến nay bà Đ vẫn chưa trả.

2/ Tiền hụi: Từ năm 2016 âm lịch, bà Nguyễn Thị Đ có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ và nợ tiền hụi như sau:

Dây 1: Hụi 10.000.000 đồng, 06 tháng khui 1 lần, gồm 10 phần, khởi khui ngày 15/7/2016 âm lịch, đóng vào ngày 30 âm lịch hàng tháng. Bà Đ tham gia 01 phần.

Đến kỳ khui thứ 3 vào tháng 7/2017 âm lịch, bà Đ hốt hụi.

Sau khi hốt hụi bà Đ đóng được 01 kỳ hụi chết.

Đến kỳ hụi chết thứ hai vào tháng 7/2018 âm lịch bà Đ chỉ đóng cho bà 4.000.000 đồng, nợ lại 6.000.000 đồng. Sau đó bà Đ ngưng luôn không đóng hụi chết cho bà.

Bà phải đóng choàng hụi chết cho bà Đ từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2020 âm lịch là 4 kỳ, mỗi kỳ 10.000.000 đồng.

Đối với dây hụi này, tính đến tháng 6/2020 âm lịch, bà Đ nợ bà số tiền hụi chết là:

$$6.000.000 \text{ đồng} + (4 \text{ kỳ} \times 10.000.000 \text{ đồng}) = 46.000.000 \text{ đồng}.$$

Dây 2: Hụi 2.000.000 đồng, 02 tháng khui 01 lần, gồm 19 phần, khởi khui 15/02/2018 âm lịch, đã mãn ngày 15/01/2021 âm lịch. Bà Đ tham gia 01 phần.

Đến kỳ khui thứ 03 vào tháng 6/2018 âm lịch, bà Đ hốt hụi.

Sau khi hốt hụi bà Đ đóng được 03 kỳ hụi chết.

Đến kỳ hụi chết thứ 4 vào tháng 2/2019 âm lịch thì bà Đ chỉ đóng cho bà 1.500.000 đồng, nợ lại 500.000 đồng. Sau đó, bà Đ ngưng luôn không đóng hụi chết cho bà.

Bà phải đóng choàng hụi chết cho bà Đ từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2020 âm lịch là 9 kỳ, mỗi kỳ 2.000.000 đồng.

Đối với dây hụi này tính đến tháng 7/2020 âm lịch, bà Đ nợ bà số tiền hụi chết là $500.000 \text{ đồng} + (9 \text{ kỳ} \times 2.000.000 \text{ đồng}) = 18.500.000 \text{ đồng}.$

Như vậy tính đến tháng 7/2020 âm lịch, bà Đ còn nợ bà số tiền hụi chết của 02 dây hụi là $46.000.000 \text{ đồng} + 18.500.000 \text{ đồng} = 64.500.000 \text{ đồng}.$

Có biên nhận bà Đ ghi họ tên.

Nay, bà tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay 3.000.000 đồng, khi nào có yêu cầu bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Đối với khoản tiền nợ hụi, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại cho bà số tiền hụi chết tính đến tháng 7/2020 âm lịch là 64.500.000 đồng. Tổng cộng là 64.500.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ: dù đã được Tòa án niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H và cũng không tham gia hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và rút một phần yêu cầu khởi kiện với khoản vay, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ hui. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Mai Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hui, hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với tiền hui

Xét, nguyên đơn có cung cấp Biên nhận nợ có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Thị Đ có thiếu vợ MB 64.500.000 đồng tiền hui” bà Đ có ghi họ tên “Nguyễn Thị Đ” ở phía dưới (Bút lục 14). Theo biên bản hòa giải, bà H trình bày chồng bà là ông Đoàn Văn Mười B nên tên thường gọi của bà là vợ MB phù hợp theo sổ hộ khẩu của ông Đoàn Văn Mười B (Bút lục 03).

Bà Nguyễn Thị Đ đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và toàn bộ các tài liệu chứng cứ kèm theo, trong đó có Biên nhận nợ nhưng bà Đ không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là có thật.

Xét, số tiền bà H yêu cầu bà Đ phải trả là 64.500.000 đồng, xuất phát từ số tiền phải thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng góp hui đến hạn bà Đ chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Nguyên đơn yêu cầu bà Đ phải trả cho bà H số tiền 64.500.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H về việc trả tiền nợ hui.

[3.2] Đối với tiền vay

Bà H tự nguyện rút yêu cầu đối với khoản tiền vay 3.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3.3] Đối với lãi trên số tiền nợ hui 64.500.000 đồng, bà H không yêu cầu là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 471 và Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 11, 15, 16, 17, 18 và 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hui, bêu, phường.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thi H

1. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị H số tiền nợ hui là 64.500.000đồng (Sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị H về việc không yêu cầu tính lãi trên số tiền 64.500.000 đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả tiền nợ vay là 3.000.000 đồng. Bà H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với vụ án dân sự yêu cầu bà Đ trả tiền nợ vay là 3.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ chịu 3.225.000 đồng (Ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn bà Mai Thị H số tiền 1.687.000 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004281 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Mai Thị H, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Hồng Quyên